

Số: 91/2021/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 23 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 88/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị K**, sinh năm 1973.

Địa chỉ cư trú: N, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị Bùi Thị K: Anh **Trần Hoàng P**, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: số A, khu B, thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2021).

- *Bị đơn*: 1/ Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1954.

2/ Bà **Đồng Thị S**, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Võ Văn T và bà Đồng Thị S có nghĩa vụ trả chị Bùi Thị K số tiền vay và số tiền hui còn nợ tổng cộng là 823.670.000đ (*Tám trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Chị Bùi Thị K có nghĩa vụ trả ông Võ Văn T và bà Đồng Thị S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 783596, số vào sổ cấp GCN: CH02366 ngày 08/02/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn cấp cho hộ ông Võ Văn T và bà Đồng Thị S thửa số 30, tờ bản đồ số 29, diện tích 8.700,8m², đất tọa lạc tại ấp Ninh Hòa, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị K có nghĩa vụ nộp 9.177.525đ (*Chín triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị K đã nộp 18.610.000đ (*Mười tám triệu sáu trăm mười ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0016797 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại chị K số tiền chênh lệch là 9.432.475đ (*Chín triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*).

Ông Võ Văn T và bà Đồng Thị S có nghĩa vụ nộp 9.177.525đ (*Chín triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*). Nhưng ông T và bà S thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho ông T và bà S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An